

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/DS-PT

Ngày 31/5/2017

V/v: Tranh chấp kiện đòi di sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Thẩm phán: - Ông Đỗ Mạnh Tăng.

- Bà Đỗ Thị Hồng Nga.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình: Bà Phạm Thị Thu Cúc
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2017/TLPT - DS ngày 13 tháng 02 năm 2017 về việc “Tranh chấp kiện đòi di sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2016/DS - ST ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có kháng cáo của anh Nguyễn Quang C và chị Trương Thị Quỳnh T2.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24A/QĐ - PT ngày 13 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1 - Sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: - Anh Nguyễn Quang C - Sinh năm 1971.

- Chị Trương Thị Quỳnh T2 - Sinh năm 1970.

Đều trú tại địa chỉ: tổ Z, thị trấn Q1, huyện Q2, tỉnh Thái Bình.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà NLQ1 - Sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn L, xã Q3, huyện Q2, tỉnh Thái Bình.

- Bà NLQ2 - Sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Q1, huyện Q2, tỉnh Thái Bình.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Quang C và chị Trương Thị Quỳnh T2 - Bị đơn.

(Có mặt bà T1, bà NLQ2, anh C, chị T2; vắng mặt bà NLQ1)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bố mẹ bà là cụ Nguyễn Quang T3 và cụ Đỗ Thị U, cụ T3 và cụ U sinh được năm người con: Ông Nguyễn Quang M (bố đẻ anh Nguyễn Quang C), ông M chết năm 1980; bà NLQ1; ông Nguyễn Quang A (liệt sỹ năm 1972); bà NLQ2 và bà Nguyễn Thị T1 con út trong gia đình. Bố mẹ cụ T3 và bố mẹ cụ U đều đã chết từ lâu bà không nhớ rõ thời gian. Quá trình chung sống cụ T3, cụ U đã mua diện tích đất ở, đất vườn và đất ao ở tổ Z, thị trấn Q1, huyện Q2 rộng khoảng hơn một nghìn mét vuông (bà không nhớ diện tích cụ thể) và sinh sống tại đây cùng con cái. Khi ông Nguyễn Quang M lập gia đình, hai cụ tách thửa cho vợ chồng ông M một lô để xây dựng nhà ở riêng, sau khi vợ chồng ông M chết, anh em anh C ở trên diện tích nhà đất của ông M. Khoảng năm 1983, cụ T3, cụ U xây một nhà cấp bốn khoảng 40m² trên diện tích đất của hai cụ để ở.

Ngày 09/9/1998, cụ T3 chết không để lại di chúc, cụ U sinh sống và quản lý diện tích nhà đất này. Năm 2002, anh Nguyễn Quang C là cháu nội cụ U (anh C gọi bà bằng cô) cùng vợ là chị Trương Thị Quỳnh T2 sang xin cụ U ở nhờ, vì nhà anh C đông người và muốn sử dụng gian nhà ngoài của cụ (giáp mặt đường thị trấn Q1) để chị T2 làm nghề may mặc, cụ đồng ý. Anh chị ở chung nhưng kinh tế giữa cụ U và anh chị riêng biệt. Quá trình ở cùng cụ U, anh chị có sửa chữa lại và xây thêm hai gian nhỏ bán mái (nhà tạm) phía sau nhà ở để làm bếp và công trình phụ, giá trị không đáng kể. Năm 2012, cụ U tách thửa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 72,6m². Diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng khi cấp, cụ U đã chết và đất có tranh chấp nên cơ quan có thẩm quyền giữ lại không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình. Khoảng tháng 3/2014, anh C vào Miền Nam, đến 30/4/2014 về chơi, lúc đó cụ U yếu, bà NLQ2 (chị gái bà) sang chăm sóc cụ đã bị anh C chửi bới và đuổi không cho chăm cụ, bà NLQ2 phải đưa cụ U về nhà bà NLQ2 để chăm sóc. Khoảng tháng 5/2014, chị T2 vào miền Nam cùng anh C, cách ngày cụ U chết khoảng hai mươi ngày, anh chị mới về.

Ngày 20/8/2014, cụ U chết có để lại di chúc lập vào ngày 03/6/2014, di chúc có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn Q1, huyện Q2, tỉnh Thái Bình. Nội dung di chúc “Cụ U để lại toàn bộ tài sản là nhà và đất của cụ ở tổ Z, thị trấn Q1, huyện Q2, tỉnh Thái Bình cho bà được hưởng thừa kế”. Trước khi lập di chúc này khoảng gần một năm, cụ U đã lập di chúc để lại khối tài sản trên cho ba chị

em là bà NLQ1, bà NLQ2 và bà để làm nơi thờ cúng, cụ nói toàn bộ các con các cháu đều đã được cụ cho đất, khi cụ ốm, vợ chồng anh C không chăm sóc lại còn đuổi các cô không cho chăm cụ, nên cụ bảo lập lại di chúc để cho ba cô con gái được hưởng khối tài sản này. Sau đó bà NLQ1 và bà NLQ2 từ chối nhận di sản và nhường lại cho một mình bà được hưởng toàn bộ khối tài sản trên nên cụ U lập lại di chúc cho một mình bà được hưởng tài sản. Khi cụ U chết, chị em bà lo mai táng cho cụ, sau ngày 49 của cụ, anh C, chị T2 tiếp tục xin ở nhờ nhà cụ U nhưng bà không đồng ý, anh chị đã tự ý phá cửa vào ở và không cho bà vào nhà thấp hương cho cụ U.

Khi cụ U còn sống, cụ U được miễn thuế sử dụng đất vì là mẹ liệt sỹ, từ khi cụ U chết, bà là người nộp thuế sử dụng diện tích đất 72,6m² cho địa phương.

Khi hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q1 và quá trình Tòa án hòa giải, vì nghĩ đến tình cảm cô cháu, bà đã chấp nhận hỗ trợ cho anh C, chị T2 250.000.000 đồng rồi đến 300.000.000 đồng, anh chị đã nhất trí nhưng sau đó lại không chấp nhận, anh C còn có thái độ hỗn láo với bà. Vì vậy, nay bà không hỗ trợ cho anh chị bất cứ khoản tiền nào, đề nghị Tòa án định giá các công trình xây dựng trên đất, bà chấp nhận trả toàn bộ giá trị tài sản còn lại cho anh chị theo kết quả định giá chứ không chỉ là phần anh chị sửa chữa, xây dựng thêm và yêu cầu vợ chồng anh C, chị T2 phải trả lại bà nhà và đất trên theo di chúc của cụ U. Bà nhận chịu toàn bộ lệ phí về việc định giá tài sản.

* *Anh Nguyễn Quang C và chị Trương Thị Quỳnh T2 trình bày:* Anh chị nhất trí phân khai về gia đình và quá trình anh chị ở cùng cụ Đỗ Thị U như bà Nguyễn Thị T1 đã trình bày. Theo anh chị, do cụ U già yếu nên gọi vợ chồng anh chị sang ở cùng để trông nom cụ khi đau yếu, anh chị đồng ý dọn sang ở với cụ. Năm 2013, cụ U bảo anh C và bà NLQ2 đưa cụ đến Ủy ban nhân dân thị trấn Q1 làm di chúc để lại toàn bộ diện tích đất trên cho ba cô là NLQ1, NLQ2, Nguyễn Thị T1 để làm nhà thờ tổ. Tháng 3/2014, do anh có việc đi vào miền Nam, bà NLQ2 ở nhà đã đưa cụ đi làm lại di chúc để lại tài sản cho một mình bà T1 trong lúc cụ quá yếu phải điếm chỉ. Khi cụ sắp chết, anh chị về, vì phải lo đám tang cho cụ nên anh chị chuyển sang ở nhờ em trai anh C, sau đó anh C hỏi bà T1 để chuyển về nhà cụ ở thì bà T1 không đồng ý, lúc đó anh chị mới biết di chúc đã bị thay đổi. Sau khi làm 49 ngày cho cụ U xong, vợ chồng anh chị tiếp tục chuyển về nhà cụ U ở cho đến nay.

Nay bà T1 đòi nhà đất, anh chị không chấp nhận vì nghi ngờ di chúc là giả hoặc có vấn đề gì đó chưa đúng nhưng không yêu cầu giám định. Anh chị yêu cầu, nếu bà T1 muốn lấy lại nhà đất thì phải trả anh chị một tỷ đồng hoặc bà T1 để lại nhà đất cho anh chị, anh chị sẽ trả bà T1 năm trăm triệu đồng; nếu có căn cứ xác định di chúc là đúng thì anh chị chỉ yêu cầu bà T1 thanh toán tiền công trình anh chị xây dựng trên đất là một trăm triệu đồng và tiền công sức anh chị chăm sóc cụ

U trong mười hai năm ở cùng là hai trăm triệu đồng, tổng cộng là ba trăm triệu đồng.

* Bà NLQ1 và bà NLQ2 trình bày: Hai bà xác nhận, khi cụ U thay đổi di chúc, cụ U có yếu về sức khỏe, chân tay yếu không đi lại được nhưng hoàn toàn minh mẫn, khi lập di chúc có hai người làm chứng và được Ủy ban nhân dân thị trấn Q1 chứng thực, hai bà tôn trọng ý kiến của cụ và không có ý kiến gì về di chúc. Đối với yêu cầu của bà T1 đòi khối di sản thừa kế từ vợ chồng anh C, chị T2, hai bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án số 02/2016/DS-ST ngày 30/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã quyết định.

Áp dụng các Điều 631, 638, 639, 645, 659, 652, 653, 656, 657, 662, 667, 245, 255 và Điều 256 của Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xác nhận di chúc cụ Đỗ Thị U lập ngày 03/6/2014 để lại di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị T1 là hợp pháp.

Buộc anh Nguyễn Quang C và chị Trương Thị Quỳnh T2 phải trả lại bà Nguyễn Thị T1 quyền sở hữu và sử dụng di sản: 72,6m² đất tại thửa đất số X1, tờ bản đồ số Y thuộc tổ Z, thị trấn Q1, huyện Q2, tỉnh Thái Bình (có các chiều đo như trích lục kèm theo); 01 nhà ở 44,64m², 02 gian nhà xây gạch chỉ bán mái, mái dàn tre lợp Brôximăng và các công trình xây dựng trên đất.

Anh Nguyễn Quang C và chị Trương Thị Quỳnh T2 được tháo dỡ trần nhựa và hệ thống cánh cửa của các công trình xây dựng trên đất.

2. Bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm thanh toán trả anh Nguyễn Quang C và chị Trương Thị Quỳnh T2 giá trị còn lại của khối tài sản anh chị xây dựng trên diện tích đất trên là 26.057.000 đồng.

Ngoài ra, án tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/01/2017, anh Nguyễn Quang C và chị Trương Thị Quỳnh T2 kháng cáo những nội dung sau:

- Thứ nhất: Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản của cụ Đỗ Thị U gồm 72,6m² đất thổ cư thửa số X1, tờ bản đồ số Y, tổ Z, thị trấn Q1 là không đúng pháp luật. Vì đất chưa có sổ đỏ và đang có tranh chấp nên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông bà nội anh C. Do đó di chúc của cụ U có hiệu lực đối với phần đất thổ cư của cụ, còn phần đất của cụ T3 phải chia di sản thừa kế theo pháp luật và anh C được hưởng thừa kế thế vị tài sản của cụ T3. Do đó Tòa án giao cho bà T1 toàn quyền sử dụng đối với thửa đất trên là không đúng.

Thứ hai: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chưa hợp tình hợp lý, chưa tính đến công sức quản lý, duy trì, tôn tạo khối tài sản của cụ U và chưa tính công lao anh

chị chăm sóc cụ U thay các con trong suốt 12 năm. Mặt khác, quá trình ở cùng cụ U anh chị đã đầu tư cơ sở sản xuất kinh doanh trên đất của cụ nay trả lại đất cho bà T1 nhận lại số tiền 26.057.000đ là quá ít và hiện tại anh chị không có chỗ ở.

Vì vậy anh chị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án, xác định lại di sản thừa kế của cụ U và giải quyết hợp lý đối với công sức duy trì, quản lý tôn tạo di sản, công sức chăm sóc cụ U 12 năm đồng thời xem xét đảm bảo chỗ ở cho anh chị theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh C, chị T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:

Anh C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp bản di chúc của cụ U lập ngày 03/6/2014 và xem xét công sức tôn tạo đất, công sức chăm sóc cụ U 12 năm cho anh chị. Nay bà T1 lấy lại nhà đất, anh yêu cầu bà T1 thanh toán trị giá tài sản, công sức tôn tạo đất và chăm sóc cụ U cho anh chị là 1.000.000.000 đồng. Nếu bà T1 để lại cho vợ chồng anh sử dụng đất và sở hữu nhà, vợ chồng anh thanh toán cho bà T1 500.000.000 đồng.

Chị T2 xác định di chúc của cụ U để lại tài sản nhà đất cho bà NLQ1, bà NLQ2, bà T1 hoặc di chúc cụ U để lại tài sản nhà đất cho bà T1 bản chất là như nhau. Nay chị đồng ý trả lại nhà đất cho bà T1 nhưng yêu cầu bà T1 thanh toán cho vợ chồng chị trị giá tài sản là 100.000.000 đồng, tiền công sức tôn tạo đất và công sức chăm sóc cụ U 200.000.000 đồng, tổng là 300.000.000 đồng.

** Bà T1 không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của anh C, chị T2 và trình bày:* Thời gian anh C, chị T2 ở chung cùng với cụ U, cụ U còn khỏe mạnh trông nom, chăm sóc con cho anh chị và phụ giúp anh chị kinh doanh nên bà không đồng ý thanh toán tiền công sức chăm sóc cụ U cho anh C, chị T2.

Khi vợ chồng anh C, chị T2 sang ở cùng cụ U, phần đất của cụ U là đất nguyên thổ, anh chị không phải duy trì, tôn tạo gì. Anh chị có tôn nền nhà, phần tôn nền nhà đã được Hội đồng định giá kết luận giá trị là 6.462.000đ. Ngoài ra anh C, chị T2 còn khai thác kinh doanh thu lợi trên đất của cụ U rất nhiều nên bà không đồng ý thanh toán tiền công sức tôn tạo đất cho anh chị. Khi hòa giải tại địa phương và Tòa án cấp sơ thẩm, vì nghĩ đến tình cảm cô cháu, bà đồng ý thanh toán trị giá tài sản và hỗ trợ cho vợ chồng 300.000.000 đồng nhưng anh chị không chấp nhận, nay bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Bà NLQ2 nhất trí với ý kiến trình bày của bà T1.*

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Hội đồng xét xử, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự, không chấp

nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quang C và chị Trương Thị Quỳnh T2; xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, nghe trình bày của các đương sự tại tòa, sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* **Về tố tụng:** Bà NLQ1 không kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

* **Về nội dung:** Xét yêu cầu kháng cáo của anh C và chị T2:

- Đối với yêu cầu kháng cáo về đất thổ cư: Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q1, huyện Q2, tỉnh Thái Bình. Theo hiện trạng đo đạc năm 1998 cụ T3 và cụ U có tổng diện tích đất như sau:

Thửa số X2, tờ bản đồ số Y, diện tích 192,3m² loại đất ao.

Thửa số X3, tờ bản đồ số Y diện tích 46,2m² loại đất ao.

Thửa số X4, tờ bản đồ số Y diện tích 486,6m² đất thổ cư.

Thửa số X5, tờ bản đồ số Y diện tích 133,5m² đất thổ cư đứng tên anh Nguyễn Văn M2 (cháu cụ U).

Như vậy tính tổng diện tích đất của cụ U và cụ T3 theo đo đạc năm 1998 là 858,6m² đất, trừ phần đất thổ cư 133,5m² đứng tên anh M2, diện tích đất thổ cư và đất ao của cụ U và cụ T3 là 725,1m². Trong đó diện tích đất thổ cư của hai cụ là 486,6m² : 2 cụ U và cụ T3 mỗi người được hưởng là 243,3m² đất thổ cư. Năm 2012 cụ U tách 72,6m² đất thổ cư trong tổng diện tích 486,6m² đất thổ cư để làm sổ đỏ và lập di chúc tặng cho bà Nguyễn Thị T1 72,6m² đất thổ cư là chưa vượt quá phần di sản của cụ U được hưởng. Mặt khác, di chúc của cụ U lập khi cụ hoàn toàn tinh táo, có người làm chứng và được Ủy ban nhân dân thị trấn Q1, huyện Q2, tỉnh Thái Bình chứng thực là đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa chị T2 cũng thừa nhận di chúc của cụ U để lại tài sản cho bà NLQ1, bà NLQ2, bà T1 hay một mình bà T1 đều đúng luật. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1, giao cho bà T1 được quyền sử dụng 72,6m² đất thổ cư theo di chúc của cụ U và buộc bà T1 thanh toán trị giá tài sản anh C, chị T2 xây dựng trên đất của cụ U 26.057.000đ là có căn cứ. Nay anh C, chị T2 xác định phần đất cụ U định đoạt trong di chúc tặng cho bà T1 còn có phần của cụ T3 và anh C được hưởng kỹ phần thừa kế thế vị trong đó là không đúng. Qua xác minh tại địa phương, hiện nay anh C, chị T2 đang quản lý và sử dụng rất nhiều đất thổ cư và đất ao của cụ U (Theo đo đạc VLAP năm 2012 anh C, chị T2 đang quản lý 120,1m² đất ao; xây phòng trọ và kinh doanh trên diện tích 898,9m² đất thổ cư của cụ U) nên anh chị

khai không có chỗ ở nào khác là không đúng. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo này của anh C, chị T2 không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với yêu cầu kháng cáo về công sức tôn tạo duy trì đất: Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện, từ năm 2002 anh C, chị T2 sang ở chung cùng cụ U, hiện trạng đất thổ cư của cụ U không thay đổi, anh C chị T2 cải tạo, tôn nền và xây dựng thêm một số công trình trên đất của cụ U đã được định giá tổng giá trị 26.057.000đ. Mặt khác, quá trình anh chị sử dụng đất, cụ U vẫn còn sống quản lý duy trì đất cùng anh chị và anh chị còn khai thác kinh doanh buôn bán thu lợi trên đất của cụ U. Do đó, nay anh chị yêu cầu công sức tôn tạo đất là không có cơ sở xem xét.

Về công sức chăm sóc cụ U: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm anh C, chị T2 có đơn phản tố yêu cầu bà T1 phải thanh toán cho anh chị tiền công chăm sóc cụ U khi thì 300.000.000 đồng, có biên bản làm việc anh chị yêu cầu tiền công chăm sóc cụ U và tiền bồi thường tài sản là 1 tỷ đồng. Tòa án đã yêu cầu anh chị nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này nhưng anh chị không thực hiện nên án sơ thẩm không giải quyết. Đến nay anh chị kháng cáo Tòa án cấp phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét và quyết định.

Từ những nhận định trên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C và chị T2, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

Do yêu cầu kháng cáo của anh C và chị T2 không được chấp nhận, anh chị phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 245, 255, 256, 652, 653, 656, 657, 662, 667 Bộ luật Dân sự năm 2005.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quang C và chị Trương Thị Quỳnh T2.

2. Xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2016/DS-ST ngày 30/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

2.1. Xác nhận di chúc cụ Đỗ Thị U lập ngày 03/6/2014 để lại di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị T1 là hợp pháp.

Buộc anh Nguyễn Quang C và chị Trương Thị Quỳnh T2 trả lại bà Nguyễn Thị T1 quyền sử dụng 72,6m² đất thổ cư và quyền sở hữu 44,64m² nhà ở, 02 gian nhà xây gạch chỉ bán mái, mái dàn tre lợp Brôximăng và các công trình xây dựng trên đất tại thửa số X1, tờ bản đồ số Y thuộc tổ Z, thị trấn Q1, huyện Q2, tỉnh Thái Bình (Diện tích đất có các chiều đo như trích lục kèm theo).

2.2 Anh Nguyễn Quang C và chị Trương Thị Quỳnh T2 được tháo dỡ phần trần nhựa và hệ thống cánh cửa của các công trình xây dựng trên đất.

2.3 Bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm thanh toán giá trị còn lại khối tài sản anh C, chị T2 xây dựng trên diện tích đất thổ cư 72,6m² cho anh Nguyễn Quang C và chị Trương Thị Quỳnh T2 26.057.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án hợp lệ bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi xuất trên số tiền chậm trả theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa.

Anh Nguyễn Quang C và chị Trương Thị Quỳnh T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ số tiền 200.000 đồng anh C, chị T2 nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003164 ngày 13/01/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, anh C, chị T2 phải thi hành 100.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP - 3.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo

